

Bản án số: 287/2017/DS - ST

Ngày: 26/7/2017

V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thu Vân.

Ông Đoàn Văn Rỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư Ký tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2016/TLST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2017/QĐST- DS ngày 04/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim T, sinh năm: 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: 308/6 Nguyễn Tri Phương, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Bà Hồng Thị Hằng N, sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 1703 Phạm Thế Hiển, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 26/7/2016 cùng các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa Bà Lê Kim T trình bày: Ngày 22/3/2016 bà T cho bà Hoàng Thị Thu H, bà Hồng Thị Hằng N vay số tiền 500.000.000 đồng, theo hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2016 số 04960, lập tại Văn phòng công chứng Quận 10, hợp đồng không lãi suất, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 22/3/2016. Sau đó đến ngày 24/4/2016 bà N vay tiếp số tiền 250.000.000 đồng theo giấy góp vốn ngày 24/4/2016. Tổng cộng số tiền là 750.000.000 đồng. Thực hiện

theo hợp đồng nhưng kể từ khi vay cho đến khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng bà H, bà N vẫn không trả lại tiền vốn. Do không thỏa thuận được, bà T khởi kiện bà H, bà N và yêu cầu bà H, bà N có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2016 và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo mức lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam là 0,75%/tháng tính từ ngày 22/10/2016 đến ngày 22/4/2017 (là 6 tháng) thì $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 22.500.000 \text{ đồng}$. Như vậy $500.000.000 \text{ đồng} + 22.500.000 \text{ đồng} = 522.500.000 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng thì bà T chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền 250.000.000 đồng, do bà N ký tên trong giấy góp vốn ngày 24/4/2016 và không yêu cầu tính lãi.

Hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2016 và giấy góp vốn ngày 24/4/2016 được ký kết giữa bà T, bà H, bà N nên bà T chỉ yêu cầu bà H, bà N thanh toán số tiền trên không liên quan đến ai khác.

Bị đơn bà Hồng Thị Thu H, bà Hồng Thị Hằng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nơi cư trú và Tòa án nhân dân Quận 8 đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không đến Tòa trình bày yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2016 được ký kết giữa bà T, bà H, bà N là có cơ sở buộc bà H, bà N có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam là 0,75%/tháng tính từ ngày 22/10/2016 đến ngày 22/4/2017 cho bà T là đúng quy định pháp luật và cũng căn cứ giấy góp vốn ngày 24/4/2016 được ký kết giữa bà T, bà N là có cơ sở buộc bà N có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc 250.000.000 đồng cho bà T.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do bị đơn bà Hồng Thị Thu H, bà Hồng Thị Hằng N hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nơi cư trú và Tòa án nhân dân Quận 8 đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không đến Tòa đúng theo qui định của Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy bị đơn bà Hồng Thị Thu H, bà Hồng Thị Hằng N đã vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến đến lần thứ hai. Tòa án nhân dân Quận 8 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8, vì vậy vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng vay tiền lập ngày 22/3/2016 cùng giấy góp vốn ngày 24/4/2016 và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 22/9/2016 nên ngày 26/7/2016 nguyên đơn khởi kiện, do đó việc khởi kiện nguyên đơn còn thời hiệu đúng theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ, cùng lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định bà Lê Kim T và bà Hoàng Thị Thu H, bà Hoàng Thị Hằng N đã xác lập hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2016 là bà H, bà N đã vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng và giấy góp vốn ngày 24/4/2016 bà N vay số tiền 250.000.000 đồng cùng chữ ký trong hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2016 là của bà H, bà N và giấy góp vốn ngày 24/4/2016 là của bà N là có căn cứ pháp luật. Hợp đồng này là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi đúng theo Điều Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu của bà T đòi bà H, bà N có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ vốn 500.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo mức lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam là 0,75%/tháng tính từ ngày 22/10/2016 đến ngày 22/4/2017 (là 6 tháng) thì $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 22.500.000 \text{ đồng}$. Như vậy $500.000.000 \text{ đồng} + 22.500.000 \text{ đồng} = 522.500.000 \text{ đồng}$ thì như phân tích trên là có căn cứ chấp nhận phải trả ngay số tiền trên do thời hạn thiếu nợ đã lâu.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng thì bà T chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ vốn 250.000.000 đồng và không tính lãi thì cũng như phân tích trên đề nghị này có căn cứ chấp nhận.

Hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2016 và giấy góp vốn ngày 24/4/2016 được ký kết giữa bà T, bà H, bà N nên về T chỉ yêu cầu bà H, bà N thanh toán số tiền trên không liên quan đến ai khác thì lời trình bày này phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T không phải chịu án phí. Bà H, bà N phải liên đới chịu án phí trên số tiền thanh toán 500.000.000 đồng cho bà T, ngoài ra bà N còn phải chịu án phí trên số tiền thanh toán 250.000.000 đồng cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2009;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 có hiệu lực ngày vào ngày 01/01/2017.

Tuyên xử: vắng mặt đối với bị đơn bà Hoàng Thị Thu H, bà Hoàng Thị Hằng N.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim T.

Buộc bà Hoàng Thị Thu H, bà Hoàng Thị Hằng N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Kim T số tiền 522.500.000 đồng(trong đó gồm tiền vốn 500.000.000 đồng và tiền lãi 22.500.000 đồng).

Buộc bà Hoàng Thị Hằng N có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Kim T số tiền 250.000.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Thu H, bà Hoàng Thị Hằng N có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 24.900.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Hằng N còn phải chịu án phí số tiền 12.500.000 đồng.

Bà Lê Kim T không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 19.781.250 đồng cho bà Lê Kim T đã nộp theo biên lai thu số 0009155 ngày 27/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành như án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc

